

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN NGŨ HÀNH SƠN  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-ST  
Ngày 27-11-2018  
“V/v tranh chấp kiện đòi tiền”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN-TP. ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Á  
Ông Huỳnh Bá Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng** tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quy- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2018/TLST-DS ngày 09/5/2018 về việc “*Tranh chấp kiện đòi tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST-DS ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm: 1974.(có mặt)

Địa chỉ: 411/18 Nguyễn Phước N, tổ 65, Phường A, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Đức Th, sinh năm: 1922.(vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 24 (tổ 17 mới), phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

**- Những người tham gia tố tụng khác:**

*Người làm chứng:*

1/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1946. (có mặt)

Địa chỉ: 411/8 Nguyễn Phước N, phường A, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

2/ Ông Lê Tấn A, sinh năm: 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ: 39 Trần Xuân H, tổ 16, phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, các đơn trình bày, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T trình bày:*

Vào năm 2007, ông Nguyễn Đức Th có thỏa thuận chuyển nhượng cho tôi một căn nhà cũ tại Tổ 24 cũ (tổ 17 mới), phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng.

Sau khi thỏa thuận, tôi có đưa trước cho ông Th số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền này là của mẹ tôi bà Nguyễn Thị L đang cất giữ giúp tôi nên mẹ tôi đã trực tiếp giao giúp cho tôi số tiền trên cho ông Th tại quán Bê thui Hiếu Nh trên đường Lê Văn H (có sự chứng kiến của ông Lê Tấn A).

Giữa tôi và ông Th có thỏa thuận là ông Th sẽ là người trực tiếp đi làm các thủ tục nhà đất sang tên cho tôi. Lúc thỏa thuận mua bán ngay khi giao tiền lần đầu ông Th đều không đưa giấy tờ gì về nhà đất định mua bán cho tôi thấy mà chỉ nói với tôi là mọi giấy tờ thủ tục nhà đất ông sẽ lo hết.

Ngày 15/12/2007, tôi giao cho ông Th số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng), 04 ngày sau (tức là ngày 19/12/2007) ông Th có nhờ ông Lê Tấn A chở đến nhà tôi ở đường Điện Biên P, lúc này không có tôi ở nhà nên mẹ tôi là bà Nguyễn Thị L đã đưa tiếp cho ông Th số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Như vậy, ông Th đã nhận của tôi hai lần tiền tổng cộng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Số tiền này mẹ tôi là bà L đã đưa trực tiếp cho ông Th nhưng thực chất là tiền mẹ tôi đã cho tôi để mua đất mua nhà, do mẹ tôi là người cất giữ tiền giùm cho tôi nên mẹ tôi đã đưa tiền cho ông Th giúp tôi. Tôi khẳng định số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đã đưa cho ông Th là tiền của tôi không liên quan gì đến mẹ tôi.

Theo nội dung đơn khởi kiện thì tôi chỉ kiện ông Th phải trả lại tôi số tiền đã nhận của tôi trước đây là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) chứ tôi không khởi kiện tranh chấp đòi tiền cọc hay phạt cọc.

Tại đơn khởi kiện, tôi có yêu cầu tính lãi đối với số tiền 20.000.000đ nhưng không ghi rõ cụ thể số tiền lãi mà tôi yêu cầu là bao nhiêu. Trong quá trình giải quyết vụ án, tôi có đề nghị Tòa án tính lãi đối với số tiền ông Th đã nhận 20.000.000đ của tôi. Cụ thể tính lãi từ ngày 19/12/2007 đến ngày 19/12/2018 là 249 tháng, mức lãi trung bình 9%/năm ( 0,75%/tháng), tức là tiền lãi bằng:  $20.000.000đ \times 0,75\%/tháng = 150.000đ/ tháng \times 249 tháng = 37.350.000đ$ . Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay tôi chỉ đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi ông Th trả lại tài sản cho tôi là số tiền 20.000.000đ đã nhận, đối với yêu cầu khởi kiện đòi số tiền lãi 37.350.000đ tôi xin rút yêu cầu.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2018 và đơn kiến nghị ngày 10/6/2018, ngày 24/11/2018 bị đơn ông Nguyễn Đức Th trình bày:*

Theo yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T về việc kiện đòi tôi trả số tiền 20.000.000đ thì tôi đồng ý trả số tiền 20.000.000đ cho ông Tr. Tuy nhiên hiện nay do điều kiện tôi tuổi cao, sức yếu lại hay bệnh tật nên tôi cũng xin ông T xem xét giảm bớt cho tôi một ít tiền trong số tiền 20.000.000đ mà ông T kiện. Tôi cũng xin ông T cho tôi được trả dần số tiền này vì điều kiện của tôi quá khó khăn nên không

thẻ trả ngay trong một lần được. Đối với số tiền lãi mà ông T yêu cầu thì tôi xin ông T xem xét không tính lãi cho tôi vì thực chất tôi nhận số tiền 20.000.000đ này là để mua bán một căn nhà cũ cho ông T chứ không phải vay mượn tiền.

Việc ông T đưa cho tôi số tiền 20.000.000đ là đưa theo nội dung Giấy Biên nhận tiền ngày 15/12/2007. Tôi đã nhận số tiền của ông T đưa trong hai lần, tổng cộng số tiền đã nhận là 20.000.000đ. Và số tiền này là tiền tôi bán căn nhà cũ (lán trại) cho ông T, vị trí căn nhà cũ này nằm ở gần Hội chữ thập đỏ quận Ngũ Hành Sơn. Diện tích nhà và đất tôi bán cho ông T hiện chưa được làm thủ tục giấy tờ sang tên cho ông T. Lý do tôi đã nhận tiền của ông T nhưng chưa làm thủ tục giấy tờ nhà đất sang tên cho ông T là do sau khi bán thì tôi có yêu cầu ông T dọn đến ở tại ngôi nhà nhưng ông T không đến ở và do đất này là đất khai hoang nên không có giấy tờ gì. Khi nhà nước thu hồi đất cũng không đền bù. Hiện nay diện tích nhà đất trên đã bị nhà nước thu hồi nên tôi không chuyển nhượng cho ông T được. Việc tôi hứa làm giấy tờ với ông T là hứa làm giấy tờ tạm trú KT3 chứ không hứa làm giấy tờ nhà đất.

Và tại đơn kiến nghị ngày 10/6/2018, ngày 24/11/2018 ông Th trình bày thêm: Tôi chỉ nhận hai lần tiền là 15.000.000đ do mẹ ông T đưa cho tôi chứ tôi không hề nhận tiền từ ông T. Giấy biên nhận số tiền 10.000.000đ lần nhận sau là giả mạo cả về nội dung giấy và chữ ký của tôi. Tôi đề nghị Tòa án xem xét.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2018 người làm chứng ông Lê Tấn A trình bày:*

Tôi là bạn với ông Nguyễn Đức Th. Còn ông Nguyễn Hữu T tôi chỉ biết khi ông T mua đất của ông Th vì lúc ông Th đi nhận tiền bán đất từ ông T thì có tôi đi cùng.

Đối với “*Giấy biên nhận tiền*” về số tiền 20.000.000đ của ông Th đối với ông T thì tôi có biết nội dung liên quan cụ thể như sau:

- Vào ngày 15/12/2007, tại quán Bê thui Hiếu Nh đường Lê Văn H quận Ngũ Hành Sơn, lúc đó có tôi, ông T, bà Nguyễn Thị L (mẹ ông T) và ông Nguyễn Đức Th, tôi đã chứng kiến việc ông Th nhận số tiền 10.000.000đ do mẹ ông T là bà L đưa trực tiếp cho ông Th, nội dung “*Giấy biên nhận tiền*” được ghi vào ngày 15/12/2007 do chính tôi là người viết giùm cho các bên, ông Th và ông T đã ký vào giấy. Tôi là người trực tiếp chứng kiến việc giao nhận tiền giữa mẹ con ông T với ông Th.

- Vào ngày 19/12/2007, tôi có chở ông Nguyễn Đức Th đến đường Điện Biên P (khu vực nhà ông T ở), lúc nhờ tôi chở đi ông Th có nói là nhờ chở đến nhà ông T để nhận tiếp số tiền bán nhà đất. Lúc chở ông Th đến đường Điện Biên Ph, tôi dừng xe đứng đầu đường kiệt để ông Th đi vào trong kiệt, tôi chờ ông Th tầm 30 phút thì ông Th trở ra và tôi chở ông Th về. Do tôi không trực tiếp vào nhà ông T nên tôi không rõ ông Th có nhận tiếp số tiền 10.000.000đ của ông T vào ngày

19/12/2007 hay không, và cũng không rõ phần chữ ký chữ viết trong việc nhận tiền giữa ông T, ông Th vào ngày 19/12/2007 của “*Giấy biên nhận tiền*”. Và tôi cũng xin cung cấp cho Tòa án một bản photo có nhiều chữ ký của ông Nguyễn Đức Th cho Tòa án xem xét (bản gốc hiện tôi đang cất giữ)

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 30/8/2018 và tại phiên tòa người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Tôi là mẹ ruột của ông Nguyễn Hữu T. Tôi biết ông Nguyễn Đức Th khi đi giao dịch mua bán nhà đất với ông Th cho con trai tôi là Nguyễn Hữu T.

Theo nội dung đơn kiến nghị ngày 10/6/2018 của ông Nguyễn Đức Th thì ông Th cho rằng ông Th nhận 02 lần tiền (tiền mua bán đất) trực tiếp từ tôi với tổng số tiền là 15.000.000đ chứ không phải là 20.000.000đ như ông T con tôi đã khởi kiện, và số tiền này ông Th nhận từ tôi chứ không phải từ T con tôi. Việc ông Th trình bày như vậy là không đúng vì chính tôi là người đã giao tiền trực tiếp cho ông Th lần thứ nhất tại quán Bê Thui Hiếu N trên đường Lê Văn H, lúc đó có mặt tôi, con trai tôi là ông T, ông Lê Tấn A và ông Nguyễn Đức Th. Tôi đã giao cho ông Th số tiền 10.000.000đ vào ngày 15/12/2007.

Lần thứ 2, ông Th đã trực tiếp đến nhà tôi nhận tiền là vào ngày 19/12/2007. lúc đó chỉ có mình tôi ở nhà, không có ông T ở nhà, tôi đã giao tiếp cho ông Th số tiền 10.000.000đ. Chính ông Th đã viết và ký nhận vào phần dưới trong cùng “*Giấy biên nhận tiền*” được ghi vào ngày 15/12/2007.

Như vậy, tổng hai lần tôi đã giao cho ông Th số tiền là 20.000.000đ chứ không phải 15.000.000đ như ông Th khai nại. Tôi khẳng định phần ghi nhận số tiền 10.000.000đ vào ngày 19/12/2007 trong “*Giấy biên nhận tiền*” là chữ ký, chữ viết của chính ông Nguyễn Đức Th

Lý do tôi là người trực tiếp giao số tiền 20.000.000đ cho ông Th nhưng trong “*Giấy biên nhận tiền*” đều ghi tên con tôi Nguyễn Hữu T là vì số tiền này tôi đã cho con Nguyễn Hữu T dùng mua đất của ông Th, lúc đó tôi đang là người cất giữ tiền nên mới đưa giúp cho T. Tôi khẳng định tiền mua đất đã đưa cho ông Th là tiền của T, số tiền này tôi đã cho con tôi nên tôi không liên quan đến việc mua bán, giao nhận tiền của T và ông Th.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn ông Nguyễn Đức Th.

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Nguyễn Đức Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2. Tại Đơn kiến nghị ngày 24/11/2018 của ông Th gửi cho Tòa án nhận ngày 26/11/2018 cũng như các chứng cứ gửi kèm theo đơn của ông Th, ông Th xin hoãn phiên tòa vì lý do đang điều trị tại bệnh viện Đa Khoa

Đà Nẵng. Tuy nhiên, chứng cứ ông Th cung cấp kèm theo đơn kiến nghị ngày 24/11/2018 thể hiện việc nằm điều trị tại bệnh viện của ông Th là từ thời gian ngày 07/8/2018 đến ngày 07/9/2018 và qua Biên bản xác minh do Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tiến hành vào ngày 26/11/2018 khẳng định việc ông Th khai nại ông hiện đang nằm điều trị tại Bệnh viện Đa Khoa Đà Nẵng là không có cơ sở. Căn cứ quy định tại khoản 2 điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông Th.

Đối với người làm chứng ông Lê Tấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên ông Lê Tấn A đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

Về nội dung:

- Do ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện về trả tiền lãi tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với yêu cầu tính lãi với số tiền lãi là 37.350.000đ.

- Căn cứ quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 158,166,468,688 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với ông Nguyễn Đức Th. Buộc ông Th phải trả cho ông T số tiền đã nhận 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Về án phí dân sự sơ thẩm ông Th không phải chịu do ông Nguyễn Đức Th thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn ông Nguyễn Đức Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án cũng như vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Tại Đơn kiến nghị ngày 24/11/2018 của ông Th gửi cho Tòa án nhận ngày 26/11/2018 cũng như các chứng cứ gửi kèm theo đơn của ông Th, ông Th xin hoãn phiên tòa vì lý do đang điều trị tại bệnh viện Đa Khoa Đà Nẵng. Tuy nhiên, chứng cứ ông Th cung cấp kèm theo đơn kiến nghị ngày 24/11/2018 thể hiện việc nằm điều trị tại bệnh viện của ông Th là từ thời gian ngày 07/8/2018 đến ngày 07/9/2018 và qua Biên bản xác minh do Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tiến hành vào ngày 26/11/2018 khẳng định việc ông Th khai nại ông hiện đang nằm điều trị tại Bệnh viện Đa Khoa Đà Nẵng là không có cơ sở. Căn cứ quy định tại

khoản 2 điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đức Th.

Đối với người làm chứng ông Lê Tấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên ông Lê Tấn A đã có lời khai trong hồ sơ vụ án nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên HĐXX xét xử vắng mặt ông Lê Tấn A.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Theo nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông Nguyễn Đức Th phải trả cho ông số tiền mà ông Th đã nhận của ông là 20.000.000đ, ngoài ra ông T đề nghị Tòa án tính lãi đối với số tiền 20.000.000đ nêu trên. Cụ thể tính lãi từ ngày 19/12/2007 đến ngày 19/12/2018 là 249 tháng, mức lãi trung bình 9%/năm(0,75%/tháng), tức là tiền lãi bằng:  $20.000.000đ \times 0,75\%/tháng = 150.000đ/ tháng \times 249 tháng = 37.350.000đ$ .

Tổng cộng số tiền mà ông T khởi kiện đối với ông Th và đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi ông Th trả lại tài sản cho ông là số tiền 20.000.000đ đã nhận và tiền lãi đối với số tiền trên là 37.350.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T thay đổi một phần nội dung khởi kiện là xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi đối với số tiền 20.000.000đ là 37.350.000đ.

[2.2] HĐXX xét thấy: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại “*Giấy biên nhận tiền*” được ghi vào ngày 15/12/2007, các lời khai của nguyên đơn và bị đơn cũng như người làm chứng trong vụ án thể hiện:

Vào năm 2007, ông Nguyễn Đức Th có thỏa thuận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức T một căn nhà cũ tại Tổ 24 cũ (tổ 17 mới), phường H, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng. Sau khi thỏa thuận, ông T có đưa trước cho ông Th số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Số tiền 10.000.000đ này do mẹ ông T là bà Nguyễn Thị L giao trực tiếp cho ông Nguyễn Đức Th tại quán Bê Thui Hiếu Nh trên đường Lê Văn H vào ngày 15/12/2007.

Ngày 19/12/2007, ông Th có nhờ ông Lê Tấn A chở ông Th đến nhà ông T ở đường Điện Biên P, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng. Tại nhà ông T, ông Th tiếp tục nhận thêm số tiền của ông T là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Do thời điểm ông Th đến nhà, ông T không có mặt tại nhà nên bà Nguyễn Thị L là mẹ ông T đã giúp ông T đưa tiếp cho ông Th số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Như vậy, ông Nguyễn Đức Th đã nhận của ông Nguyễn Hữu T 02 lần tiền tổng cộng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

[2.3] Quá trình thực hiện thỏa thuận, hai bên đã không chuyển nhượng được nhà đất như ông Th cam kết. Do vậy, ông T khởi kiện yêu cầu ông Th phải trả lại cho ông số tiền mà ông Th đã nhận của ông trước đây là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Ông T chỉ khởi kiện đòi lại tài sản mà ông Th đã nhận của ông là số tiền 20.000.000đ chứ không khởi kiện tranh chấp đòi tiền cọc hay phạt cọc.

[2.4] Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông Th có đến Tòa án cung cấp lời khai được thể hiện Biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2018. Theo đó, ông Th thừa nhận ông T có đưa cho ông số tiền 20.000.000đ theo như nội dung giấy Biên nhận tiền ngày 15/12/2007 và ông Th đã nhận số tiền của ông Tr đưa trong hai lần, tổng cộng số tiền mà ông Th đã nhận của ông T là 20.000.000đ. Ông Th đồng ý trả số tiền 20.000.000đ cho ông T nhưng do điều kiện tuổi cao, sức yếu lại hay bệnh tật nên ông Th xin ông T xem xét giảm bớt cho ông một ít tiền trong số tiền 20.000.000đ mà ông T khởi kiện và ông Th xin được trả dần vì điều kiện của ông quá khó khăn nên không thể trả ngay trong một lần được. Đối với số tiền lãi mà ông T yêu cầu thì ông Th xin ông T xem xét không tính lãi cho ông vì thực chất ông Th nhận số tiền 20.000.000đ này là để mua bán một căn nhà cũ cho ông T chứ không phải vay mượn tiền.

Tuy nhiên, tại đơn kiến nghị ngày 10/6/2018, ông Th đã thay đổi nội dung trình bày của mình, ông xác nhận ông chỉ nhận 02 lần tiền tổng cộng với số tiền là 15.000.000đ do mẹ ông T đưa cho ông chứ ông không hề nhận tiền từ ông T. Ông Th cho rằng nội dung phần sau Giấy biên nhận tiền ngày 15/12/2007 được ghi vào ngày 19/12/2007 ông nhận số tiền 10.000.000đ là giả mạo cả về nội dung giấy và chữ ký của ông nên ông Th đề nghị Tòa án xem xét.

[2.5] HĐXX thấy: Ông Th cho rằng mình chỉ nhận số tiền 15.000.000đ từ bà L mẹ ông T chứ không phải 20.000.000đ như ông T khởi kiện. Tuy nhiên, căn cứ vào nội dung Biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2018 thì ông Th đã thừa nhận có nhận số tiền 20.000.000đ của ông T. Mặt khác, tại chứng cứ do Tòa án thu thập là nội dung lời trình bày trong đơn của ông Th có trong hồ sơ vụ án do Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn thụ lý số 39/2016/TLST-DS ngày 24/10/2016 (BL số 24) chính ông Th đã thừa nhận ông có nhận tổng cộng 02 lần với số tiền 20.000.000đ do mẹ ông Tr đưa.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T, người làm chứng bà Nguyễn Thị L (mẹ ông T) và ông Lê Tấn A (bạn ông Th) đều xác nhận người trực tiếp đưa tiền cho ông Th là bà L chứ không phải ông T, điều này cũng phù hợp với nội dung khai nại của ông Nguyễn Đức Th là mẹ ông T đưa tiền trực tiếp cho ông chứ không phải ông T. Tuy nhiên, như nội dung bà L và ông T khẳng định thì số bà L đã đưa trực tiếp cho ông Th thực chất là tiền mẹ ông T (bà L) đã cho ông T để mua đất mua nhà, do bà L là người cất giữ tiền giùm cho ông T nên bà L mới đưa tiền ông Th giúp cho ông T. Cả ông T và bà L đều khẳng định số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đã đưa cho ông Th là tiền của ông T chứ không liên quan gì đến bà L. Do vậy, có cơ sở khẳng định số tiền mà ông Th đã nhận là tài sản của ông Nguyễn Hữu T.

Đối với khai nại của ông Th về việc cho rằng nội dung phần sau Giấy biên nhận tiền ngày 15/12/2007 được ghi vào ngày 19/12/2007 ông nhận số tiền 10.000.000đ là giả mạo cả về nội dung giấy và chữ ký của ông nên ông Th đề nghị Tòa án xem xét. HĐXX thấy: Sau khi nhận được nội dung kiến nghị của ông Th,

Tòa án đã có Thông báo về việc nộp đơn, chứng cứ và tiền tạm ứng chi phí yêu cầu giám định để ông Th thực hiện quyền yêu cầu giám định của mình nhưng trong thời hạn quy định, ông Th đã không đến Tòa án để thực hiện các nội dung như đã thông báo là ông Th tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do vậy, HĐXX không có cơ sở để xem xét khai nại về chứng cứ giả mạo của ông Th.

[2.6] Như đã phân tích ở trên, có cơ sở để HĐXX căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 158,166,468,688 Bộ luật Dân sự năm 2015; tinh thần hướng dẫn tại Điểm b khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với ông Nguyễn Đức Th. Buộc ông Th phải trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền đã nhận là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Đối với yêu cầu khởi kiện đòi tiền lãi của số tiền 20.000.000đ được tính trong thời gian từ ngày 19/12/2007 đến ngày 19/12/2018 với số tiền lãi là 37.350.000đ: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T xin được rút yêu cầu khởi kiện về việc đòi ông Th trả số tiền lãi nêu trên nên căn cứ quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[2.7] Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đức Th thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 500.000đ ông T đã nộp theo biên lai thu số 0001593 ngày 07/5/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

[2.8] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị: Do ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa nên căn cứ quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với yêu cầu tính lãi với số tiền lãi là 37.350.000đ.

Căn cứ quy định tại Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 158,166,468,688 Bộ luật Dân sự năm 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với ông Nguyễn Đức Th. Buộc ông Th phải trả cho ông T số tiền đã nhận 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Về án phí dân sự sơ thẩm do ông Nguyễn Đức Th thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho ông T.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**



*Căn cứ:* - Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005;  
- Điều 158, 166, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;  
- Điều 147, Điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 điều 227, khoản 2 Điều 229; Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.  
- Điểm b khoản 3 Điều 23 của Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

*Tuyên xử:*

I. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với ông Nguyễn Đức Th về việc yêu cầu ông Th phải trả số tiền lãi của số tiền 20.000.000đ là 37.350.000đ.

II. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với ông Nguyễn Đức Th về việc “*Kiểm đòi tiền*”.

- Buộc ông Nguyễn Đức Th phải trả lại tài sản cho ông Nguyễn Hữu T số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản tiền phải trả, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền.

III. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Đức Th thuộc diện người cao tuổi nên được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 500.000đ ông T đã nộp theo biên lai thu số 0001593 ngày 07/5/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ngũ Hành Sơn.

IV. Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

V. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Nga**

